

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

Số: 53 /2023 CV/VCS-QHCB

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh
doanh hợp nhất Quý II năm 2023**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất Quý II năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chi tiêu	Quý II.2023	Quý II.2022	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,137,759,476,307	1,725,774,464,480	(588,014,988,173)	(34.07)
11	Giá vốn hàng bán	821,091,095,651	1,196,191,576,737	(375,100,481,086)	(31.36)
20	Lợi nhuận gộp	316,668,380,656	529,582,887,743	(212,914,507,087)	(40.20)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28,460,546,530	31,028,101,067	(2,567,554,537)	(8.27)
22	Chi phí tài chính	21,324,724,037	37,310,103,929	(15,985,379,892)	(42.84)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	15,380,510,344	11,390,214,856	3,990,295,488	35.03
25	Chi phí bán hàng	38,819,201,325	62,377,246,141	(23,558,044,816)	(37.77)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18,422,565,531	18,866,190,901	(443,625,370)	(2.35)
31	Thu nhập khác	206,488,969	416,432,731	(209,943,762)	(50.41)
32	Chi phí khác	3,612,657,644	237,648,982	3,375,008,662	1,420.17
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	263,156,267,618	442,236,231,588	(179,079,963,970)	(40.49)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	39,667,789,522	72,523,872,784	(32,856,083,262)	(45.30)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(949,047,806)	51,807,089	(1,000,854,895)	(1,931.89)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	224,437,525,902	369,660,551,715	(145,223,025,813)	(39.29)

II. Nguyên nhân biến động

Vicostone và các doanh nghiệp nói chung đã trải qua những tháng đầu năm 2023 đầy thách thức, hoạt động sản xuất và kinh doanh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô toàn



cầu. Lạm phát vẫn đang ở mức cao, lãi suất tăng làm cho doanh thu bán hàng của Công ty bị suy giảm do sản phẩm của Công ty không phải hàng hóa thiết yếu.

Nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh của Công ty theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 588,014,988,173 đồng (34.07%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán giảm.

2. Giá vốn bán hàng giảm 375,100,481,086 đồng (31.36%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 212,914,507,087 đồng (40.20%)

3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 2,567,554,537 đồng (8.27%), nguyên nhân:

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 3,047,153,669 đồng.

- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 479,599,132 đồng.

4. Chi phí tài chính giảm 15,985,379,892 đồng (42.84%) do:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 19,975,675,380 đồng.

- Chi phí lãi vay tăng 3,990,295,488 đồng.

5. Chi phí bán hàng giảm 23,558,044,816 đồng (37.77%), nguyên nhân chính:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 24,061,405,201 đồng

- Chi phí vật liệu, dụng cụ tăng 520,771,647 đồng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 443,625,370 đồng (2.35%), nguyên nhân chính:

- Chi phí nhân công giảm 1,318,217,030 đồng

- Chi phí bằng tiền khác giảm 113,432,190 đồng

- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác giảm 138,162,054 đồng

- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 1,180,101,928 đồng

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm 179,079,963,970 đồng (40.49%), lợi nhuận sau thuế giảm 145,223,025,813 đồng (39.29%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính giảm, chi phí lãi vay tăng.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trí Dũng

